

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 65/2018/DS – ST

Ngày 14- 3- 2018.

V/v tranh chấp “Hợp đồng
góp hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST – DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2018/QĐST – DS ngày 21/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Đoàn Thị O, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp AK A, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp AK A, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Mai Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp AK A, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông H ủy quyền cho bà O tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 01 năm 2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Đoàn Thị O đồng thời được sự ủy quyền của ông Mai Văn H trình bày:

Trước đây bà làm chủ hội, bà H có tham gia 03 phần hội tại 03 dây hội. Sau khi hốt hội bà H không góp lại cho bà, cụ thể:

- Dây hội thứ 1: khai ngày 15/9/2011 âm lịch, mãng hội ngày 15/5/2014 âm lịch, dây hội này có 33 hội viên, hội khai và hốt hàng tháng, mỗi phần hội là 1.000.000 đồng; bà H tham gia một phần. Bà H kêu và hốt hội ở phần thứ 26, lúc đó bà giao cho bà H số tiền 21.400.000 đồng, sau khi hốt hội thì bà H không góp lại cho bà nên còn nợ lại 7 tháng x 1.000.000 đồng/phần = 7.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: khai ngày 12/4/2011 âm lịch, mãng hội ngày 12/9/2014 âm lịch, dây hội này có 42 hội viên, hội khai và hốt hàng tháng, mỗi phần hội là 500.000 đồng; bà H tham gia 02 phần. Bà H kêu và hốt hội ở phần thứ 32, lúc đó bà giao cho bà H số tiền 36.600.000 đồng, sau khi hốt hội thì bà H không góp lại cho bà nên còn nợ lại 10 tháng x 500.000 đồng/phần x 02 phần = 10.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: khai ngày 20/6/2012 âm lịch, mãng hội ngày 20/02/2015 âm lịch, dây hội này có 42 hội viên, hội khai và hốt hàng tháng, mỗi phần hội là 500.000 đồng; bà H tham gia 02 phần. Bà H kêu và hốt hội ở phần thứ 19, lúc đó bà giao cho bà H số tiền 28.000.000 đồng, sau khi hốt hội thì bà H không góp lại cho bà nên còn nợ lại 14 tháng x 500.000 đồng/phần x 02 phần = 28.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong các lần góp hội bà H còn nợ lại bà số tiền là 800.000 đồng. Tổng cộng bà H còn nợ bà số tiền là 45.800.000 đồng

Mục đích bà H chơi hội với bà để làm ăn chung cho gia đình, cải tạo ao nuôi tôm công nghiệp. Khi bà H chơi hội với bà thì chồng bà H biết, bà có nhiều lần đến nhà bà H để thu hội thì chồng bà H biết nhưng không có phản ứng gì.

Số tiền 45.800.000 đồng mà bà giao tiền hội cho bà H là tài sản chung của bà với chồng là ông Mai Văn H. Tại phiên tòa bà yêu cầu bà H phải trả cho bà và chồng của bà là ông Mai Văn H số tiền 45.800.000 đồng, trả một lần, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong vụ án này bà không yêu cầu chồng bà H là ông Lê Văn R phải liên đới với bà H trả nợ cho bà và ông H. Việc này là do bà tự nguyện.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Huỳnh Thị H trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà O tại phiên tòa là đúng. Hiện nay bà còn nợ bà O số tiền là 45.800.000 đồng.

Mục đích bà chơi hụi, hốt hụi để làm vốn cải tạo ruộng nuôi tôm quảng canh, trồng lúa và sử dụng chung cho gia đình. Khi bà chơi hụi với bà O thì chồng bà ông Lê Văn R biết nên ngăn cản nhưng bà vẫn tham gia, do lúc này mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà trực tiếp chịu trách nhiệm. Sau đó bà O có nhiều lần đến nhà bà thu hụi thì chồng bà biết nhưng không biết bà tham gia bao nhiêu phần hụi nên chồng bà cũng không phản ứng gì. Sau khi bà đổ nợ thì chồng bà không cho bà chơi hụi nữa và mọi thu chi trong gia đình là do chồng bà quản lý nên bà không có khả năng góp hụi cho bà O nữa.

Bà đồng ý trả cho bà O số tiền 45.800.000 đồng nhưng bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 45.800.000 đồng, bà không có khả năng trả một lần theo yêu cầu của bà O được.

Trong vụ án này bà không yêu cầu chồng bà phải liên đới với bà để trả số tiền 45.800.000 đồng cho bà O.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Áp dụng các Điều 26, 35, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về họ, hụi, biêu, phường.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị O, buộc bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ giao trả cho bà O và ông H số tiền là 45.800.000 đồng. Do bà O, ông H và bà H không yêu cầu ông Lê Văn R phải liên đới với bà H trả 45.800.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp về hụi, họ, biêu phường” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Huỳnh Thị H hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại ấp AK A, xã AD, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: bà O khởi kiện yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho bà O và ông H số tiền hụi là 45.800.000 đồng. Chứng cứ là sự thừa nhận của bà H về việc có tham gia chơi hụi với bà O do bà O làm chủ hụi, tổng cộng 03 dây hụi và hiện nay bà còn nợ bà O, ông H số tiền 45.800.000 đồng. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H đồng ý trả số tiền 45.800.000 đồng cho bà O nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

[4] Xét yêu cầu của bà O, xét thấy: hợp đồng góp hụi giữa bà O với bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện bà H đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ nên cần buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà O, ông H số tiền 45.800.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của bà H, xét thấy: khi bà H kêu hụi để được hốt hụi thì bà O giao đầy đủ cho bà H nhưng sau khi hốt hụi xong thì bà H không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà O làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà O trong một thời gian dài. Hiện bà H không chứng minh được kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn và tại phiên tòa thì bà O không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của bà H nên yêu cầu trả nợ dần của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do bà O, ông H và bà H không yêu cầu chồng bà H là ông Lê Văn R phải liên đới trách nhiệm trả số tiền 45.800.000 đồng cho bà O, ông H nên không xem xét giải quyết.

[7] Bà Huỳnh Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 45.800.000 \text{ đồng} = 2.290.000 \text{ đồng}$.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về hụi, biếu, phưởng. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị O.

Buộc bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị O và ông Mai Văn H số tiền là 45.800.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Do bà O, ông H và bà H không yêu cầu chồng bà H là ông Lê Văn R phải liên đới trách nhiệm với bà H trả 45.800.000 đồng cho bà O, ông H nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị H phải nộp 2.290.000 đồng (Hai triệu, hai trăm, chín chục ngàn đồng).

Bà Đoàn Thị O được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.145.000 đồng theo biên lai thu số 0014182 ngày 11 tháng 12 năm 2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn

Trần Thị Vân

